

UBND TỈNH THANH HÓA  
BAN DÂN TỘC – SỞ TÀI CHÍNH –  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
– SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 9 năm 2014

Số: 337/HDLN-BDT-STC-STNMT-  
SNNPTNT.

## HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013 của liên bộ: Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (ĐBKK);

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt định mức đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào DTTS và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2014 - 2015,

Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh như sau:

### **1. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng là hộ đồng bào DTTS nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người DTTS); hộ nghèo ở các xã, thôn, bản ĐBKK khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do UBND tỉnh qui định, có khó

khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

## **2. Chính sách hỗ trợ đất ở**

- UBND các huyện căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt và quỹ đất hiện có của địa phương, tự cân đối quỹ đất và kinh phí để bố trí giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại xã nhưng không có đất ở và chưa được nhà nước giao đất ở. Tổ chức rà soát các hộ có diện tích đất ở lớn hơn mức quy định của Nhà nước, đồng thời kết hợp tuyên truyền, vận động bà con lối xóm chuyển nhượng, gia đình anh em, dòng họ hỗ trợ cho các hộ thiếu đất ở;

- UBND các huyện có trách nhiệm tự cân đối quỹ đất, ngân sách, quyết định giao đất ở cho hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách;

- Định mức diện tích giao đất ở: Mức giao diện tích đất ở tối thiểu 200 m<sup>2</sup> /hộ đồng bào sống ở nông thôn, miền núi.

## **3. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất đối với hộ có nhu cầu hỗ trợ bằng đất sản xuất**

### **3.1. Đối tượng**

Hộ chưa có đất sản xuất hoặc đã có đất sản xuất nhưng chưa đủ mức quy định theo Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt định mức đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn bản ĐBKK, UBND huyện, xã căn cứ theo quỹ đất thực tế của địa phương để điều chỉnh giao đất sản xuất, cố gắng bảo đảm đạt mức quy định (0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất nương, rẫy) và phải thuận lợi về khoảng cách cho hộ được hỗ trợ đất, tránh trường hợp giao đất quá xa nơi ở, người dân không có điều kiện để nhận và đưa vào sản xuất.

### **3.2. Định mức hỗ trợ**

Mức hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương và vốn vay từ Ngân hàng Chính sách - Xã hội cho mỗi hộ chưa có đất sản xuất tối đa 30 triệu đồng/ hộ (ngân sách Trung ương hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ trong thời gian 5 năm, với lãi suất 0,1%/tháng tương đương 1,2%/năm) để các hộ dân được giao đất nhưng phải trực tiếp khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để có khả năng sản xuất theo hướng dẫn của UBND cấp xã, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

### **3.3. Quỹ đất sản xuất bao gồm các loại đất:**

- Theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã được duyệt;

- Đất công Nhà nước thu hồi theo quy hoạch, đất điều chỉnh giao khoán trong các nông trường, lâm trường, Ban quản lý dự án;

- Đất thu hồi từ các Ban quản lý rừng phòng hộ, các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty Lâm nghiệp hiện đang quản lý nhưng sử dụng kém hiệu quả;

sử dụng không đúng mục đích đất cho thuê mượn hoặc cho mượn; đất lấn chiếm, tranh chấp;

- Khai hoang đất trống đồi núi trọc, đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng;
- Đất thu hồi từ các doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, sử dụng sai mục đích hoặc giải thể; quỹ đất nhà nước thu hồi do vi phạm pháp luật về đất đai ( theo qui định tại Điều 64 Luật Đất đai năm 2013);
- Quỹ đất do nhà nước sử dụng vào mục đích công ích;
- Đất điều chỉnh từ các hộ gia đình tặng, bán hoặc tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- Các loại đất khác do UBND xã, UBND huyện xác định:
  - + Thu hồi một phần diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân nhưng không có khả năng sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả, vận động, khuyến khích việc chuyển nhượng một phần diện tích đất nông nghiệp từ các hộ gia đình không có khả năng sử dụng, sử dụng kém hiệu quả;
  - + Việc xác định hộ sử dụng diện tích đất đã được giao kém hiệu quả do xã chủ trì họp thôn, bản trên cơ sở bình xét dân chủ, công khai; báo cáo xã, xã tổng hợp trình UBND huyện quyết định.

### **3.4. Hình thức thực hiện hỗ trợ đất**

UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ đất, tình hình thực tế của địa phương để thực hiện hỗ trợ đất cho các hộ được hưởng chính sách theo điểm a, b, c khoản 4, Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của liên bộ: Ủy ban Dân tộc - Tài chính - Tài nguyên và Môi trường.

### **4. Đối với hộ thiếu đất sản xuất nhưng có nhu cầu khác**

Đối với những huyện không còn quỹ đất sản xuất để giao, tùy điều kiện thực tế của huyện thực hiện một trong các hình thức như hỗ trợ để chuyển đổi nghề, hỗ trợ đi xuất khẩu lao động hoặc giao khoán bảo vệ và trồng rừng.

#### **4.1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề:**

- Hằng năm UBND các huyện tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề thuộc đối tượng hưởng chính sách theo quy định, gửi báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp với các sở, ngành chức năng trình UBND tỉnh phê duyệt, thống nhất với UBND cấp huyện mở các lớp đào tạo nghề theo cơ chế, chính sách quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2015;

- UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ có nhu cầu vốn mua sắm nông cụ, máy móc để làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp; quyết định danh sách các hộ được vay vốn để làm các nghề khác (nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt;

- UBND cấp xã giám sát và cấp vốn hỗ trợ theo chính sách cho các hộ trong danh sách đã được duyệt, đồng thời thông báo và phối hợp với Ngân hàng chính sách - Xã hội cấp huyện giải ngân phân vốn vay;

- Định mức hỗ trợ học nghề: Thực hiện như điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013, cụ thể:

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 4 triệu đồng/lao động có nhu cầu học nghề để chuyển đổi nghề; mức hỗ trợ cho từng lao động cụ thể căn cứ vào học phí, ngành nghề và thời gian học thực tế do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định;

- Định mức hỗ trợ chuyển đổi nghề: Thực hiện như điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013, cụ thể:

+ Những hộ có lao động, có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm các nghề khác, tăng thu nhập, thì được ngân sách Trung ương hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ (thời gian vay 5 năm, với lãi suất 0,1%/tháng tương đương 1,2%/năm);

+ Những hộ, lao động chuyển đổi nghề ngoài việc được hưởng các chính sách nêu trên còn được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan về dạy nghề theo quy định hiện hành. Ngoài mức hỗ trợ này, từng huyện tùy theo khả năng nguồn ngân sách mà quyết định mức hỗ trợ thêm.

#### **4.2. Hỗ trợ xuất khẩu lao động:**

- Hằng năm UBND các huyện gửi danh sách hộ có nhu cầu đi xuất khẩu lao động về Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, phối hợp với các ngành liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thực hiện;

- Mỗi lao động được hưởng chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động phải có giấy cam kết thực hiện đầy đủ chương trình đào tạo và đi xuất khẩu lao động theo quy định của Nhà nước;

- Định mức hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 và Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09/9/2009 Quy định thực hiện một số nội dung Quyết định số 71/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương và tỉnh (nếu có).

#### **4.3. Giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng**

- UBND huyện gửi danh sách đối tượng được hưởng chính sách về Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp để trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện;

- Hộ gia đình thực hiện giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng theo Quyết định số 755/QĐ-TTg thực hiện theo cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và

phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 và Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01/02/2013 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh (nếu có).

## **5. Hỗ trợ nước sinh hoạt**

### **5.1. Nước sinh hoạt phân tán**

- Việc hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán phải đảm bảo nguyên tắc các hộ được hỗ trợ kinh phí phải có nước sinh hoạt ổn định và bố trí ở khu vực thuận tiện cho sinh hoạt gia đình;

- UBND cấp huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ kinh phí nước phân tán;

- UBND cấp xã có trách nhiệm giám sát, nghiệm thu và cấp vốn hỗ trợ cho các hộ theo danh sách được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Định mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương 1,3 triệu đồng/hộ và hỗ trợ kinh phí đối ứng 20% để xây dựng bể nước, bồn chứa, đào giếng (hoặc mua lu, stec đựng nước) phục vụ nước sinh hoạt.

### **5.2. Nước sinh hoạt tập trung**

- Thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định 1922/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Hàng năm UBND huyện tổng hợp danh mục công trình, trình UBND tỉnh (qua cơ quan thường trực Ban Dân tộc tỉnh) để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt;

- Trong trường hợp có sự điều chỉnh các công trình thuộc Đề án đã được phê duyệt, UBND cấp huyện phải báo cáo chi tiết nội dung liên quan đến việc thay đổi địa điểm công trình về Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm tra, trình UBND tỉnh và phải có văn bản đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh mới được thực hiện;

- Tập trung lồng ghép với các chương trình, dự án khác (CT 135, Chương trình nước sạch – VSMT, nguồn vốn UNICF, NGO, ODA, ADB,.. ) để đầu tư, xây dựng công trình; tăng cường công tác quản lý, giám sát, bảo vệ, nâng cao ý thức của người dân trong sử dụng công trình nước. Nhất thiết phải có nội quy, qui chế vận hành, sử dụng, bảo dưỡng của thôn hoặc nhóm hộ thì huyện mới được quyết toán;

- Cơ chế đầu tư thực hiện theo quy định đối với các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thuộc Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và điểm 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD Hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản ĐBKK;

- Định mức hỗ trợ: Chủ đầu tư căn cứ tình hình thực tế để phê duyệt mức kinh phí cho từng công trình nước sinh hoạt tập trung và công trình duy tu bảo dưỡng theo Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

### **5.3. Duy tu bảo dưỡng công trình nước sinh hoạt tập trung**

- Hàng năm UBND cấp huyện đề xuất danh mục duy tu bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt tập trung báo cáo Ban Dân tộc tỉnh;

- Chỉ thực hiện duy tu bảo dưỡng đối với các công trình nước sinh hoạt tập trung đã được đầu tư theo Quyết định 134/QĐ-TTg, Quyết định 1592/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Định mức vốn: Định mức bình quân 70 triệu/công trình, kinh phí được bố trí từ ngân sách địa phương và lồng ghép với các nguồn vốn khác.

### **6. Quy trình thủ tục cho vay vốn và thu hồi nợ**

Thực hiện theo quy định của Ngân hàng chính sách - Xã hội.

### **7. Lập dự toán và phân bổ kinh phí**

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đối tượng thụ hưởng chính sách thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, ngoài ra quy định cụ thể như sau:

- Hàng năm căn cứ Đề án thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt và khả năng của vốn Chính phủ, của tỉnh, phòng Dân tộc các huyện phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng liên quan tham mưu cho UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện và xây dựng dự toán ngân sách gửi Ban Dân tộc tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt;

- Đối với kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề, hỗ trợ xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung, phòng Dân tộc phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho UBND huyện tổng hợp vào dự toán Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề; chương trình bảo vệ và phát triển rừng; chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn gửi Ban Dân tộc tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt;

- Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ vốn gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét tham mưu trình UBND các huyện phê duyệt cho các xã thực hiện;

- Căn cứ quyết định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ đến thôn bản, từng hộ dân, từng chính sách được hỗ trợ.

### **8. Quy định về quản lý, cấp phát, thanh toán, kế toán và quyết toán**

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí để thực hiện các chính sách theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg cho các đơn vị và cho từng hộ dân phải chặt chẽ, đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng; nhất là đối với những

khoản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc hiện vật) cho các hộ dân, UBND cấp xã có trách nhiệm lập danh sách cho từng hộ ký nhận và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo đúng quy định tại Điều 11 của Thông tư Liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của liên bộ Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **9. Tổ chức thực hiện**

### **9.1. Đối với các Sở, ban ngành cấp tỉnh**

Thực hiện theo Quyết định 1922/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau:

#### **a) Ban Dân tộc**

Là cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ:

- Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng, UBND các huyện quyết định mở lớp đào tạo nghề, chuyển đổi nghề theo qui định;

- Hàng năm, tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung thực hiện các chính sách; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phân bổ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện hỗ trợ các nội dung;

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, trình UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

#### **b) Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tổng hợp nhu cầu, dự kiến vốn đối ứng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn tỉnh.

#### **c) Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn vốn đối ứng thực hiện Đề án; hướng dẫn việc quản lý sử dụng, thanh quyết toán nguồn vốn. Phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách.

#### **d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo hướng dẫn các địa phương thực hiện việc giao khoán, bảo vệ rừng, trồng rừng và đào tạo nghề nông lâm nghiệp cho lao động thuộc đối tượng Đề án.

#### **e) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo hướng dẫn các địa phương thực hiện đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, xuất khẩu lao động cho các đối tượng.

f) Sở Tài nguyên - Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh về công tác quản lý, chỉ đạo giải quyết đất đai thuộc phạm vi Đề án; hướng dẫn, kiểm tra việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được thụ hưởng.

g) Ngân hàng Chính sách - Xã hội

Căn cứ Đề án được duyệt xây dựng kế hoạch kinh phí cho vay, hướng dẫn quy trình, thủ tục và thực hiện cho vay vốn đối với các hộ nghèo được thụ hưởng.

h) Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Ban Dân tộc để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án.

i) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức chính trị - xã hội:

Phối hợp với các ngành liên quan, tham gia giám sát, tuyên truyền, vận động và phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện hiện có hiệu quả các mục tiêu Đề án.

## 9.2. Đối với UBND các huyện

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát kiểm tra việc tổ chức thực hiện ở cấp xã bảo đảm đúng đối tượng, dân chủ, công khai và đảm bảo tiến độ theo mục tiêu của Đề án được duyệt; kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề vướng mắc ở cơ sở; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

- Đảm bảo quỹ đất để bố trí đất ở, đất sản xuất theo nội dung Đề án đã được phê duyệt;

- Phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ cụ thể theo từng nội dung làm cơ sở triển khai thực hiện và thanh toán;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan xác định cụ thể nhu cầu cần hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng để tránh trùng lặp với các chương trình hiện nay đang triển khai thực hiện.

## 9.3. Đối với UBND các xã

- Chỉ đạo thôn, bản tổ chức bình xét và tổng hợp trình phê duyệt theo thứ tự ưu tiên hỗ trợ trước cho hộ gia đình chính sách, người có công đảm bảo công khai, dân chủ có sự tham gia rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; hộ đã đăng ký thực hiện và hưởng lợi từ chính sách phải có cam kết thực hiện đúng nội dung đăng ký, trường hợp không thực hiện được phải báo cáo thôn, bản để có phương án thay thế, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật



về sử dụng vốn hỗ trợ của nhà nước. UBND các xã chịu trách nhiệm quản lý kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo qui định;

- Tổ chức triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn xã; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để người dân tích cực tham gia hưởng ứng; người nghèo nỗ lực vươn lên; vận động các tổ chức, doanh nghiệp, nông, lâm trường trên địa bàn tham gia thực hiện chính sách, giúp đỡ hộ nghèo bằng nhiều hình thức;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về UBND huyện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên ngành bằng văn bản gửi qua Ban Dân tộc tỉnh là đầu mối tiếp nhận để tổng hợp; xin ý kiến liên ngành và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**SỞ TÀI CHÍNH**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Bá Hùng*

**BAN DÂN TỘC**



*Lương Văn Tường*

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



*Lưu Trọng Chương*

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



*Đỗ Thế Hạnh*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (đề b/c);
- Các Sở: TC, TNMT, NN&PTNT, KHĐT, LĐTBXH;
- Các ngành cấp tỉnh: NHCSXH, MTTQ;
- 11 huyện miền núi và 6 huyện có xã MN;
- Đăng Website Ban Dân tộc;
- Lưu VT các sở, ngành: DT, TC, TNMT, NN&PTNT.